

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025**

CÔNG TY T.

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 58

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Tường Anh	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên HĐQT
Bà Trịnh Thị Ngọc Biển	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Lê Đông	Thành viên HĐQT
Ông Đỗ Vũ Linh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Lý Quang Thái	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Vũ Đức Biên	Thành viên HĐQT độc lập
Bà Lê Thị Ngọc Dung	Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm ngày 29/4/2025)

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Trần Thị Thanh Hải	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên
Ông Đồng Xuân Khanh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/4/2025)

#### **Ban Kiểm toán nội bộ**

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Trưởng Ban phụ trách
Ông Phan Anh Tuấn	Phó Trưởng Ban
Ông Vũ Văn Hợi	Thành viên
Ông Lương Anh Hoàng	Thành viên (Thôi từ ngày 01/10/2025)
Bà Vũ Thị Lan Anh	Thành viên
Bà Hoàng Thị Hà	Thành viên (Từ ngày 01/07/2025)

#### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Nguyễn Tường Anh	Tổng Giám đốc
Ông Hà Vũ Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là bà Đào Thị Thu Hà.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024, Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025. Công ty tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Tường Anh**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Số: 105/2026/UHY-BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 24 tháng 02 năm 2026, từ trang 06 đến trang 58 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

1. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 37.1 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đang ghi nhận tại chi tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 133,81 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chi tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ.

Ngày 4/4/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 84/2025/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải. Theo đó, Bộ Xây dựng đã ban hành Văn bản số 12000/BXD-KHTC ngày 21/10/2025 đề nghị Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP (VIMC) nghiên cứu, rà soát các phương thức khai thác, xử lý tài sản cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ bảo đảm phù hợp với thực trạng tài sản, điều kiện quản lý, khai thác các cầu cảng và tuân thủ quy định pháp luật. Đồng thời, Bộ Xây dựng yêu cầu Ban Quản lý dự án cảng Hải Phòng nghiên cứu ý kiến của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại Văn bản số 3878/CHP-TCKT ngày 19/09/2025 về phân bổ chi phí cho gói thiết bị.

Theo đó, VIMC đã chỉ đạo Người đại diện phần vốn của VIMC tại Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng nghiên cứu, rà soát xây dựng phương án khai thác, xử lý tài sản cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ. Trên cơ sở ý kiến của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, đánh giá ưu, nhược điểm của từng phương án, VIMC đã có Văn bản số 1753/HHVN-TCKT ngày 06/11/2025 báo cáo Bộ Xây dựng và Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam về các phương án quản lý khai thác tài sản bến số 4, số 5 Cảng Chùa Vẽ.

Căn cứ nội dung buổi làm việc ngày 29/12/2025 giữa Bộ Xây dựng, VIMC và Cảng Hải Phòng, trên cơ sở đề xuất của Cảng Hải Phòng tại Văn bản số 5222/CHP-TCKT ngày 31/12/2025 về phương án xử lý tài sản bến số 4, bến số 5 Cảng Chùa Vẽ, VIMC đã có văn bản số 16/HHVN-TCKT ngày 08/01/2026 trình Bộ Xây dựng và Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam cập nhật nội dung liên quan đến phương án xử lý các tài sản nêu trên.

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chưa có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng. Căn cứ theo Điều 55 Luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 về việc văn bản pháp luật không được quy định hiệu lực trở về trước, việc ghi nhận chính thức tài sản và chi phí của cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ sẽ được thực hiện vào thời điểm cơ quan quản lý nhà nước quyết định hình thức quản lý đối với các tài sản này.

2. Bên cạnh đó, như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Cơ quan Quản lý về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Nguyễn Minh Long**  
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1  
Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2026

**Bùi Minh Đức**  
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5586-2026-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>3.069.783.422.453</b>	<b>3.094.005.768.117</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	390.290.204.796	493.962.154.581
Tiền	111		188.190.204.796	109.962.154.581
Các khoản tương đương tiền	112		202.100.000.000	384.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>1.551.332.737.502</b>	<b>1.345.188.737.502</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.551.332.737.502	1.345.188.737.502
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>653.455.461.273</b>	<b>973.070.421.967</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	260.234.096.808	295.747.062.611
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	81.010.186.734	391.899.673.934
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	351.351.157.443	322.791.576.255
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(39.139.979.712)	(37.367.890.833)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>127.433.056.745</b>	<b>115.825.333.653</b>
Hàng tồn kho	141		127.433.056.745	115.825.333.653
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>347.271.962.137</b>	<b>165.959.120.414</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	29.299.441.994	25.766.249.347
Thuế GTGT được khấu trừ	152		313.421.280.121	140.190.384.439
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	4.551.240.022	2.486.628
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6.844.008.559.952</b>	<b>5.399.633.701.205</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>51.986.000</b>	<b>92.986.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	8	51.986.000	92.986.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.517.726.002.056</b>	<b>1.826.395.212.994</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.507.523.132.370	1.819.211.644.715
- Nguyên giá	222		6.491.986.052.064	6.796.553.866.808
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.984.462.919.694)	(4.977.342.222.093)
Tài sản cố định vô hình	227	15	10.202.869.686	7.183.568.279
- Nguyên giá	228		50.553.800.051	45.334.455.654
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40.350.930.365)	(38.150.887.375)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	<b>2.581.950.157.136</b>	-
- Nguyên giá	231		2.777.074.580.908	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(195.124.423.772)	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.292.106.498.642</b>	<b>3.161.207.713.345</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	1.292.106.498.642	3.161.207.713.345
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>1.362.557.417.618</b>	<b>315.131.724.800</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.360.877.417.618	313.091.724.800
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		2.181.131.012	2.181.131.012
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(501.131.012)	(141.131.012)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>89.616.498.500</b>	<b>96.806.064.066</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	75.467.302.834	81.772.614.377
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		14.149.195.666	15.033.449.689
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>9.913.791.982.405</b>	<b>8.493.639.469.322</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**  
Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3.096.910.334.460</b>	<b>2.132.846.126.218</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.251.334.656.191</b>	<b>1.638.304.670.115</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	355.409.941.830	852.622.637.505
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	8.601.618.474	19.395.117.699
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	245.661.996.946	99.559.447.235
Phải trả người lao động	314		223.040.036.504	225.795.893.120
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	245.681.607.927	226.889.277.936
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	2.730.857.220	5.353.167.082
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	101.660.159.743	126.260.245.580
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	24.562.190.653	23.523.799.299
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	18.100.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		43.986.246.894	40.805.084.659
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.845.575.678.269</b>	<b>494.541.456.103</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	22	95.307.634.428	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	1.747.193.557.470	484.949.450.424
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		3.074.486.371	9.592.005.679
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>23</b>	<b>6.816.881.647.945</b>	<b>6.360.793.343.104</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>6.816.881.647.945</b>	<b>6.360.793.343.104</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(166.066.396)	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		52.543.979.727	52.543.979.727
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(613.301.691.109)	(613.301.691.109)
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.104.600.026.656	1.803.205.604.913
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.212.061.506.690	1.043.583.234.828
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		391.368.736.042	236.177.300.266
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		820.692.770.648	807.405.934.562
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		791.543.892.377	805.162.214.745
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>9.913.791.982.405</b>	<b>8.493.639.469.322</b>

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu



Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng



Đào Thị Thu Hà



Nguyễn Tường Anh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025*

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	2.730.324.694.363	2.595.479.044.228
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.730.324.694.363	2.595.479.044.228
Giá vốn hàng bán	11	26	1.453.617.740.198	1.605.445.106.833
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.276.706.954.165	990.033.937.395
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	102.588.579.165	150.762.844.242
Chi phí tài chính	22	28	42.762.995.259	18.528.090.537
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		23.031.999.143	7.105.158.670
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		108.002.312.297	80.885.841.099
Chi phí bán hàng	25	29	461.552.000	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	293.733.072.351	253.198.425.586
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.150.340.226.017	949.956.106.613
Thu nhập khác	31	30	110.016.491.098	251.739.121.632
Chi phí khác	32	31	3.182.130.350	1.849.656.513
Lợi nhuận khác	40		106.834.360.748	249.889.465.119
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.257.174.586.765	1.199.845.571.732
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	278.341.283.848	225.185.200.635
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(5.641.192.702)	(456.823.555)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		984.474.495.619	975.117.194.652
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		823.192.770.648	807.405.934.562
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		161.281.724.971	167.711.260.090
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	2.518	2.469
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	35	2.518	2.469

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Hà

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.257.174.586.765	1.199.845.571.732
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		255.221.271.543	224.211.152.960
Các khoản dự phòng	03		(15.967.911.121)	2.779.460.790
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		4.319.625.665	(11.767.864.016)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(196.389.532.620)	(206.107.237.161)
Chi phí lãi vay	06		23.031.999.143	7.105.158.670
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>1.327.390.039.375</b>	<b>1.216.066.242.975</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		128.076.572.304	(234.787.822.043)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(11.607.723.092)	(12.167.458.814)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(532.277.815.311)	844.627.906.470
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.772.118.896	(17.322.988.020)
Tiền lãi vay đã trả	14		(14.499.372.550)	(3.282.703.684)
Thuế thụ nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(139.481.234.642)	(213.685.729.183)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		113.940.000	39.220.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(164.046.850.189)	(123.723.654.562)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>596.439.674.791</b>	<b>1.455.763.013.139</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.607.092.685.457)	(1.625.263.413.442)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		7.329.574.041	24.728.810.111
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.446.850.000.000)	(2.692.833.737.502)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.240.706.000.000	3.311.643.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(52.456.129.805)	(35.534.800.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	62.611.206.146
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		89.396.610.098	82.539.329.386
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.768.966.631.123)</b>	<b>(872.109.605.301)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		13.775.290.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		2.434.087.887.227	3.633.976.481
Tiền trả nợ gốc vay	34		(25.531.565.060)	(24.388.079.717)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(353.504.894.700)	(268.600.803.170)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>2.068.826.717.467</b>	<b>(289.354.906.406)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(103.700.238.865)</b>	<b>294.298.501.432</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>493.962.154.581</b>	<b>198.481.615.722</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		28.289.080	1.182.037.427
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>390.290.204.796</b>	<b>493.962.154.581</b>

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Hà

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty được cổ phần hóa và hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Luật doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200236845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng (nay là Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng) cấp ngày 01 tháng 7 năm 2014, thay đổi lần thứ 13 ngày 28 tháng 7 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại số 8A Trần Phú, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2025 là 3.269.600.000.000 VND (bằng chữ: Ba nghìn hai trăm sáu mươi chín tỷ sáu trăm triệu đồng), tương đương 326.960.000 cổ phần mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại sàn giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) từ ngày 14 tháng 09 năm 2022 với mã chứng khoán PHP.

#### **1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh khai thác cảng, dịch vụ kho bãi, logistics và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

#### **1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bốc xếp, giao nhận, bảo quản hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi, văn phòng;
- Môi giới thuê tàu biển, dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, dịch vụ giao nhận, nâng hạ hàng hóa, dịch vụ khai thuế hải quan;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Sửa chữa container và dịch vụ vệ sinh container;
- Lai dắt và hỗ trợ tàu biển.

#### **1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **1.5 NHÂN VIÊN**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 2.239 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 2.762 nhân viên).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG**Số 8A Trần Phú, phường Ngô Quyền,  
thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MẪU SỐ B09-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP***Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp:*

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	51,00%	51,00%	Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; Kinh doanh kho bãi; Vận tải; Dịch vụ hàng hải và kinh doanh kho vận.
Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	Lô 15, đường Lê Hồng Phong, phường Hải An, Thành phố Hải Phòng	60,28%	60,28%	Hỗ trợ tàu biển, bốc xếp, bảo quản giao nhận vận tải hàng hóa; Hoạt động lai dất, trực vớt, cứu hộ và đại lý vận tải hàng hóa.
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	Số 03 đường Lê Thánh Tông, phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	100,00%	100,00%	Dịch vụ xếp dỡ giao nhận hàng hóa; Kinh doanh kho bãi; Trung chuyển và lưu trữ hàng hóa; Dịch vụ vận tải và các hoạt động hỗ trợ liên quan đến vận tải.
Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	Số 23, đường Lương Khánh Thiện, phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng	100,00%	100,00%	Khám chữa bệnh, khám sức khỏe và cấp giấy chứng nhận sức khỏe; cung cấp dịch vụ vệ sinh, y tế dự phòng.
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng	Số 05 Cù Chính Lan, phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng	90,00%	90,00%	Giáo dục nghề nghiệp các nghề giao nhận, vận hành các thiết bị xếp dỡ phục vụ khai thác cảng.

*Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:*

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	Số 03 đường Lê Thánh Tông, phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	30,52%	30,52%	Hoạt động kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	13 đường Nguyễn Trãi, phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	27,61%	27,61%	Xây dựng công trình và vận tải đường bộ
Công ty Cổ Phần HPH Logistics	Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	38,81%	38,81%	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
Công ty CP Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng (1)	Số 4 đường Hoàng Diệu, phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng	32,24%	32,24%	Vận tải hàng hóa đường bộ, đường biển, kho bãi, bốc xếp hàng hóa, đại lý tàu biển, vận tải biển

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

*Danh sách các công ty liên doanh, liên kết (Tiếp):*

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Vinalines Đông Bắc (2)	Số 1 đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh	25,00%	25,00%	Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	Số 79 Đoàn Như Hải, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh	20,00%	20,00%	Kho bãi, lưu giữ và vận tải hàng hóa
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ (3)	Khu Công nghiệp Đình Vũ, phường Hải An, Thành phố Hải Phòng	24,99%	50,00%	Hoạt động lai dắt, dịch vụ kho bãi, bốc xếp hàng hóa
Công ty TNHH KM Cargo Services Hải Phòng	Lô đất KB2.3 và KB 3.3, Khu Công nghiệp MP Đình Vũ, phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	36,00%	36,00%	Logistics và vận tải hàng hóa, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
Công ty TNHH Smart Logistics Service (Hải Phòng)	Lô CN2A Khu công nghiệp Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, Đặc khu Cát Hải, Thành phố Hải Phòng	28,75%	37,5%	Kho bãi, lưu giữ và vận tải hàng hóa
Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Hải Phòng	Khu phố Đôn Lương, Đặc khu Cát Hải, Thành phố Hải Phòng	51,00%	50,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy

(1) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2018.

(2) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2014 nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

(3) Công ty nắm giữ gián tiếp các khoản đầu tư này qua Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ - Công ty con.

*Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:*

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Chi nhánh Cảng Tân Vũ - KCN Đình Vũ, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng.	Bốc xếp, giao nhận, vận chuyển, sửa chữa container

(\*) Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ - Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng đã chấm dứt hoạt động từ 15/07/2025 theo Nghị quyết số 116/NQ-CHP của Hội đồng quản trị ngày 01/07/2025.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán.

**2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2.3 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.1 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Công ty phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng có thể xác định được, phần chênh lệch được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần nói trên, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh giao dịch.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Khi phần lỗ của Công ty liên kết mà Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày BCTC này.

**3.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.4 NGOẠI TỆ**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong năm bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi công ty thường xuyên có giao dịch.
- Tỷ giá khi đánh giá lại tiền gửi ngoại tệ là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

**3.5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 3.7 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.7 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 3.8 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được).

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### 3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
- Máy móc, thiết bị	05 - 20
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 13

**3.10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính,

***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 - 08 năm.

**3.11 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn. mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Bất động sản đầu tư của Công ty được sử dụng để cho thuê và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 10 đến 40 năm.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **3.12 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒI DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty bao gồm dự án Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3, số 4 Cảng cửa ngõ Quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch huyện), thành phố Hải Phòng và các công trình khác là các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

#### **3.13 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 - 3 năm.

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Chi phí trả trước khác bao gồm Phí bảo hiểm được phân bổ theo hợp đồng bảo hiểm và chi phí sửa chữa tài sản, chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

#### **3.14 NỢ PHẢI TRẢ**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

#### **3.15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.16 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay. Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

**3.17 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trọng đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**3.18 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước: Số tiền khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cung cấp dịch vụ. Công ty ghi nhận theo nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều trong năm theo thời hạn quy định.

**3.19 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: Khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.20 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ bốc xếp, lưu kho bãi, lai dắt, hỗ trợ, kiểm đếm, giao nhận, cân hàng và dịch vụ khác.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

*Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

**3.21 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

**3.22 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Thuế giá trị gia tăng (VAT)*

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.22 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)**

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

*Thuế khác*

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.23 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả các giao dịch và số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Tiền mặt	493.778.025	332.943.223
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	187.696.426.771	109.629.211.358
- Các khoản tương đương tiền (*)	202.100.000.000	384.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>390.290.204.796</b>	<b>493.962.154.581</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2025, tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ không quá 03 tháng được gửi tại các Ngân Hàng TMCP với lãi suất từ 4,0%/năm đến 4,75%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

**5.1 ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.551.332.737.502</b>	<b>1.551.332.737.502</b>	<b>1.345.188.737.502</b>	<b>1.345.188.737.502</b>
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.551.332.737.502	1.551.332.737.502	1.345.188.737.502	1.345.188.737.502
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.551.332.737.502</b>	<b>1.551.332.737.502</b>	<b>1.345.188.737.502</b>	<b>1.345.188.737.502</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng gửi tại các Ngân Hàng TMCP với lãi suất từ 4,8%/năm đến 7,6%/năm.

**5.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
+ Công ty CP VIMC Logistics	2.181.131.012	(501.131.012)	(*)	2.181.131.012	(141.131.012)	(*)
<b>Cộng</b>	<b>2.181.131.012</b>	<b>(501.131.012)</b>		<b>2.181.131.012</b>	<b>(141.131.012)</b>	

(\*) Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**5.3 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Phần chia	Giá trị theo	Giá gốc	Phần chia	Giá trị theo
	VND	lãi/lỗ trong công ty liên kết VND	phương pháp vốn chủ sở hữu VND	VND	lãi/lỗ trong công ty liên kết VND	phương pháp vốn chủ sở hữu VND
+ Công ty CP Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng (1)	6.300.000.000	(6.300.000.000)	-	6.300.000.000	(6.300.000.000)	-
+ Công ty CP Vinalines Đông Bắc (2)	5.518.034.429	(5.518.034.429)	-	5.518.034.429	(5.518.034.429)	-
+ Công ty CP Logistics Cảng Sài Gòn	3.000.000.000	(2.458.354.779)	541.645.221	3.000.000.000	(372.484.959)	2.627.515.041
+ Công ty CP Đầu tư và thương mại hàng hải Hải Phòng	25.289.203.035	333.296.347	25.622.499.382	25.289.203.035	(3.606.134.941)	21.683.068.094
+ Công ty CP Đầu tư phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng	31.440.000.000	3.138.028.522	34.578.028.522	31.440.000.000	(1.682.969.438)	29.757.030.562
+ Công ty CP HPH Logistics	11.596.000.000	3.750.710.801	15.346.710.801	11.596.000.000	3.304.653.069	14.900.653.069
+ Công ty TNHH KM Cargo Services Hải Phòng	12.528.000.000	12.333.836.361	24.861.836.361	12.528.000.000	11.251.148.807	23.779.148.807
+ Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	103.027.411.229	67.633.687.645	170.661.098.874	103.027.411.229	81.821.735.074	184.849.146.303
+ Công ty TNHH Smart Logistics Service (Hải Phòng) (3)	86.676.000.000	(2.242.558.539)	84.433.441.461	35.534.800.000	(39.637.076)	35.495.162.924
+ Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Hải Phòng (4)	990.093.997.089	14.738.159.907	1.004.832.156.996	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.275.468.645.782</b>	<b>85.408.771.836</b>	<b>1.360.877.417.618</b>	<b>234.233.448.693</b>	<b>78.858.276.107</b>	<b>313.091.724.800</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**5.3 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (TIẾP)**

- (1) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2018.
- (2) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2014 nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.
- (3) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác liên doanh số 01/HĐHTKD với SITC (HK) Limited và Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Smart Logistics Service (Hải Phòng) chuyên kinh doanh kho bãi và các dịch vụ hậu cần tại huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng (nay là đặc khu Cát Hải, thành phố Hải Phòng) với tổng mức đầu tư 20.000.000 USD (Hai mươi triệu đô la Mỹ), trong đó Công ty góp 4.000.000 USD (Bốn triệu đô la Mỹ), tương ứng 20% vốn Điều lệ. Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đã thực hiện 03 lần góp vốn với tổng số tiền 3.400.000 USD (Ba triệu bốn trăm nghìn đô la Mỹ).
- (4) Khoản đầu tư theo Thỏa thuận thành viên ngày 02/05/2024 giữa Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng và Công ty Global Terminal Limited S.À.R.L về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Hải Phòng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty là 51%, hai bên có quyền tương đương nhau trong việc quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Hải Phòng. Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đã thực hiện góp là 990.093.997.089 đồng, trong đó góp bằng tiền là 1.314.929.805 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>260.234.096.808</b>	<b>(38.461.443.585)</b>	<b>295.747.062.611</b>	<b>(36.900.196.733)</b>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>14.255.848.290</i>	<i>(4.163.331.474)</i>	<i>16.258.110.388</i>	<i>(4.054.540.370)</i>
- Công ty TNHH Tiếp Vận SITC - Đình Vũ	544.599.234	-	276.573.960	-
- Công ty CP HPH Logistic	52.734.332	-	4.543.659.314	-
- Công ty CP Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng	3.713.511.896	(3.713.511.896)	3.608.326.813	(3.608.326.813)
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	-	-	5.303.015.973	-
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	1.494.834.145	-	1.456.258.245	-
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	-	-	453.895.026	-
- Công ty CP Vinalines Đông Bắc	449.819.578	(449.819.578)	446.213.557	(446.213.557)
- Công ty CP Vận tải container VIMC	13.357.440	-	170.167.500	-
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Cảng Hải Phòng	7.986.991.665	-	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>245.978.248.518</i>	<i>(34.298.112.111)</i>	<i>279.488.952.223</i>	<i>(32.845.656.363)</i>
- Ocean Network Express Pte., Ltd	7.611.003.218	-	15.303.393.420	-
- Maersk Lines A/S	19.150.108.288	-	26.535.437.574	-
- Công ty TNHH Đại lý và Môi giới Vận tải biển Quốc tế	7.911.691.223	-	22.791.479.274	-
- SITC Container Lines Co., Ltd	31.175.891.730	-	38.657.905.546	-
- Các khách hàng khác	180.129.554.059	(34.298.112.111)	176.200.736.409	(32.845.656.363)
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>260.234.096.808</b>	<b>(38.461.443.585)</b>	<b>295.747.062.611</b>	<b>(36.900.196.733)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>81.010.186.734</b>	<b>(278.291.766)</b>	<b>391.899.673.934</b>	<b>(74.002.500)</b>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>362.367.680</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
- Chi nhánh Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình hàng hải tại Hải Phòng	362.367.680	-	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>80.647.819.054</i>	<i>(278.291.766)</i>	<i>391.899.673.934</i>	<i>(74.002.500)</i>
- Mitsui E&S Co., Ltd	-	-	108.086.362.479	-
- Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	11.703.000.000	-	99.860.088.449	-
- Tổng Công ty Sông Thu	-	-	41.631.415.631	-
- Công ty CP MIFU	-	-	32.187.500.000	-
- Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây lắp Bình Minh	47.121.457.607	-	7.215.000.000	-
- Các nhà cung cấp khác	21.823.361.447	(278.291.766)	102.919.307.375	(74.002.500)
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>81.010.186.734</b>	<b>(278.291.766)</b>	<b>391.899.673.934</b>	<b>(74.002.500)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**8. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>351.351.157.443</b>	<b>(400.244.361)</b>	<b>322.791.576.255</b>	<b>(364.090.600)</b>
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	30.511.419.254	-	36.035.651.480	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.927.778.338	-	21.697.851.746	-
- Tạm ứng	432.954.687	-	667.773.000	-
- Ký cược, ký quỹ (1)	44.245.575.000	-	43.420.000.000	-
- Phải thu giá trị dịch vụ cung cấp chưa phát hành hóa đơn	19.006.973.807	-	9.501.484.047	-
- Khấu hao và lãi vay đối với tài sản cầu số 4, số 5 bãi container Chùa Vẽ (2)	194.218.263.761	-	194.218.263.761	-
- Phải thu khác	44.008.192.596	(400.244.361)	17.250.552.221	(364.090.600)
<b>b) Dài hạn</b>	<b>51.986.000</b>	<b>-</b>	<b>92.986.000</b>	<b>-</b>
- Phải thu người lao động về bồi thường tổn thất	51.986.000	-	92.986.000	-
<b>Cộng</b>	<b>351.403.143.443</b>	<b>(400.244.361)</b>	<b>322.884.562.255</b>	<b>(364.090.600)</b>

(1) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 12 đến 13 tháng gửi tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất từ 5,5 đến 5,8%/năm, dùng để cầm cố, bảo lãnh cho các nghĩa vụ của Công ty tại các Ngân hàng này.

(2) Đây là khoản tiền đã nộp vào ngân sách Nhà nước đối với chi phí khấu hao và lãi vay trong giai đoạn từ năm 2014 đến 31/12/2018 của cầu cảng số 4, số 5 Bến cảng Chùa Vẽ. Số tiền này được nộp vào ngân sách theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại văn bản số 3910/BTC-TTr ngày 03/04/2020.

*(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 37.1)*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**9. NỢ XẤU**

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
<b>Các khoản phải thu quá hạn thanh toán</b>						
- Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu	9.930.305.723	-	9.930.305.723	9.930.305.723	-	9.930.305.723
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	6.628.866.818	-	6.628.866.818	6.628.866.818	-	6.628.866.818
- Công ty CP Đầu tư Thương mại và Vận tải Thành Trang	5.050.795.970	-	5.050.795.970	5.032.987.190	-	5.032.987.190
- Công ty CP Vận tải Container Đông Đô Cảng Hải Phòng	3.713.511.896	-	3.713.511.896	3.608.326.813	-	3.608.326.813
- Các đối tượng khác	16.173.998.628	2.357.499.323	13.816.499.305	13.906.921.081	1.739.516.792	12.167.404.289
<b>Cộng</b>	<b>41.497.479.035</b>	<b>2.357.499.323</b>	<b>39.139.979.712</b>	<b>39.107.407.625</b>	<b>1.739.516.792</b>	<b>37.367.890.833</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	103.126.039.002	-	96.362.005.991	-
- Công cụ, dụng cụ	17.228.482.716	-	18.781.627.667	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	252.630.000	-	-	-
- Hàng hóa	6.825.905.027	-	681.699.995	-
<b>Cộng</b>	<b>127.433.056.745</b>	<b>-</b>	<b>115.825.333.653</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**11. TÀI SẢN DỮ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</b>	<b>1.292.106.498.642</b>	<b>3.161.207.713.345</b>
- Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3, số 4 Cảng cửa ngõ Quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch huyện), thành phố Hải Phòng (*)	1.183.973.593.202	3.154.812.152.209
- Dự án đóng mới tàu lai AZIMUTH	91.192.271.637	840.417.508
- Các công trình khác	16.940.633.803	5.555.143.628
<b>Cộng</b>	<b>1.292.106.498.642</b>	<b>3.161.207.713.345</b>

(\*) Thông tin Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3, số 4 Cảng cửa ngõ Quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng;
- Mục đích xây dựng: Đáp ứng tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội của thành phố Hải Phòng;
- Địa điểm xây dựng: Khu bến Cảng Lạch Huyện thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Huyện Cát Hải, Thành phố Hải Phòng;
- Tổng mức đầu tư: 6.946 tỷ VND;
- Thời gian bắt đầu triển khai và thời gian dự kiến hoàn thành: từ năm 2020 đến năm 2025.
- Nguồn vốn đầu tư: Dự kiến vốn vay 55%, vốn chủ sở hữu 45%;
- Quy mô của dự án: Xây dựng 02 bến cho tàu đến 100.000DWT (gần 8.000 teus) với tổng chiều dài 750m, rộng 50m, Bến sà lan, dịch vụ với tổng chiều dài 250m (gồm cả 50m bề rộng của bến chính), rộng 15m cho cỡ tàu đến 3.000 DWT (gần 160 teus); Kè bảo vệ bờ; Hệ thống bãi chứa hàng, đường giao thông, các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật, thiết bị đồng bộ (đáp ứng sản lượng hàng hóa thông qua 1,0 - 1,1 triệu teus/năm) trên diện tích 47ha; Các thiết bị chính phục vụ khai thác: 06 cần trục STS trên bến chính; 24 RTG; 02 xe nâng RSD; 01 xe nâng rỗng; 50 đầu kéo + rơ-moóc; 01 cầu trục xưởng sửa chữa, 08 cần xe tại cổng cảng và phần mềm quản lý vận hành cảng TOS;

Đến thời điểm ngày 31/12/2025, dự án đã cơ bản hoàn thành các hạng mục chính, các hạng mục còn lại đang được hoàn thiện, đồng thời Công ty đang thực hiện các thủ tục phục vụ cho công tác nghiệm thu và bàn giao tài sản để đưa vào sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>29.299.441.994</b>	<b>25.766.249.347</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	11.030.398.430	9.897.927.394
- Chi phí bảo hiểm	5.293.461.741	2.093.344.290
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định, nạo vét	8.505.586.583	7.226.874.776
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.469.995.240	6.548.102.887
<b>b) Dài hạn</b>	<b>75.467.302.834</b>	<b>81.772.614.377</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	15.886.778.935	13.367.832.450
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	34.477.012.567	42.530.825.308
- Chi phí thuê đất Khu Công nghiệp Minh Phương (*)	24.126.890.908	24.890.803.024
- Các khoản khác	976.620.424	983.153.595
<b>Cộng</b>	<b>104.766.744.828</b>	<b>107.538.863.724</b>

(\*) Theo hợp đồng thuê đất số 27/2015/HĐTD - MP ký ngày 12 tháng 06 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ được thuê 44.417 m<sup>2</sup> tại Khu Công nghiệp Minh Phương với thời hạn thuê là 43 năm tính từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2057. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ đã trả hết tiền thuê cho toàn bộ thời gian thuê và phân bổ dần vào chi phí theo thời hạn thuê.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải, truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	TSCĐ HH khác <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
01/01/2025	2.226.668.597.551	828.604.350.825	3.630.194.737.509	111.086.180.923	-	6.796.553.866.808
- Mua trong năm	2.872.320.532	206.181.818	1.862.440.042.721	73.586.848.693	-	1.939.105.393.764
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.490.921.788.759	4.097.964.089	58.333.333	31.111.111	-	2.495.109.197.292
- Giảm do góp vốn đầu tư	-	-	(758.676.246.680)	(21.467.736.008)	-	(780.143.982.688)
- Phân loại lại	(353.888.182)	18.909.395.361	(18.838.707.179)	269.518.404	-	(13.681.596)
- Chuyển sang BĐS đầu tư	(2.777.074.580.908)	-	-	-	-	(2.777.074.580.908)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(51.109.192.510)	-	-	(51.109.192.510)
- Tăng/Giảm khác	(6.836.209)	-	-	-	126.400.000	119.563.791
- Giảm do góp vốn đầu tư (trương ứng phần chuyển nợ)	-	-	(1.099.034.814.491)	(31.525.717.398)	-	(1.130.560.531.889)
31/12/2025	<u>1.943.027.401.543</u>	<u>851.817.892.093</u>	<u>3.565.034.152.703</u>	<u>131.980.205.725</u>	<u>126.400.000</u>	<u>6.491.986.052.064</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
01/01/2025	(1.411.377.450.644)	(648.953.879.923)	(2.841.411.706.371)	(75.599.185.155)	-	(4.977.342.222.093)
- Khấu hao trong năm	(97.964.860.509)	(40.413.769.946)	(105.126.861.128)	(9.804.164.118)	-	(253.309.655.701)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	51.064.534.328	-	-	51.064.534.328
- Phân loại lại	-	6.546.946	-	(6.546.946)	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	195.124.423.772	-	-	-	-	195.124.423.772
31/12/2025	<u>(1.314.217.887.381)</u>	<u>(689.361.102.923)</u>	<u>(2.895.474.033.171)</u>	<u>(85.409.896.219)</u>	<u>-</u>	<u>(4.984.462.919.694)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/01/2025	815.291.146.907	179.650.470.902	788.783.031.138	35.486.995.768	-	1.819.211.644.715
31/12/2025	<u>628.809.514.162</u>	<u>162.456.789.170</u>	<u>669.560.119.532</u>	<u>46.570.309.506</u>	<u>126.400.000</u>	<u>1.507.523.132.370</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 2.661.958.598.663 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 2.830.498.185.466 đồng).

Năm 2014, Công ty đã tạm ghi nhận tăng tài sản cố định hữu hình (chi tiết khoản mục Nhà cửa, vật kiến trúc) đối với cầu cảng số 04, 05 và bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và gói thiết bị với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng (giá trị còn lại đến ngày 31/12/2025 là 133,81 tỷ đồng). Việc tạm tăng các tài sản cố định này được thực hiện theo văn bản số 1966/VPCP-KTN ngày 25/03/2014 của Văn phòng Chính phủ.

Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng - Giai đoạn 2, do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam và vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản nên việc quản lý, khai thác các tài sản này đang còn một số vướng mắc.

Từ năm 2024, Công ty thực hiện tạm trích khấu hao đối với Cầu cảng số 04 và số 05 bến Cảng Chùa Vẽ theo Nghị quyết số 168/NQ-CHP ngày 27/12/2024 của Hội đồng quản trị Công ty, mức trích khấu hao/năm là 8.330.437.644 đồng/năm.

*(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 37.1)*

(\*) Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 18 và Thuyết minh số 36.

**14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	01/01/2025 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2025 VND
<b>Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	-	2.777.074.580.908	-	2.777.074.580.908
- Cơ sở hạ tầng	-	2.777.074.580.908	-	2.777.074.580.908
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	-	(195.124.423.772)	-	(195.124.423.772)
- Cơ sở hạ tầng	-	(195.124.423.772)	-	(195.124.423.772)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	-	2.581.950.157.136	-	2.581.950.157.136
- Cơ sở hạ tầng	-	2.581.950.157.136	-	2.581.950.157.136

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê tại ngày 31/12/2025 là 21.307.063.148 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 0 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Phần mềm máy vi tính <u>VND</u></b>	<b>Tổng <u>VND</u></b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
<b>01/01/2025</b>	<b>45.334.455.654</b>	<b>45.334.455.654</b>
- Mua trong năm	41.261.743.001	41.261.743.001
- Phân loại lại	13.681.596	13.681.596
- Giảm do góp vốn đầu tư	(15.959.466.377)	(15.959.466.377)
- Giảm do góp vốn đầu tư (tương ứng phần chuyển nợ)	(20.096.613.823)	(20.096.613.823)
<b>31/12/2025</b>	<b>50.553.800.051</b>	<b>50.553.800.051</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
<b>01/01/2025</b>	<b>(38.150.887.375)</b>	<b>(38.150.887.375)</b>
- Khấu hao trong năm	(2.200.042.990)	(2.200.042.990)
<b>31/12/2025</b>	<b>(40.350.930.365)</b>	<b>(40.350.930.365)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
<b>01/01/2025</b>	<b>7.183.568.279</b>	<b>7.183.568.279</b>
<b>31/12/2025</b>	<b>10.202.869.686</b>	<b>10.202.869.686</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 32.870.677.327 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 31.812.101.438 đồng).

(\*) Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 18 và Thuyết minh số 36.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>355.409.941.830</b>	<b>355.409.941.830</b>	<b>852.622.637.505</b>	<b>852.622.637.505</b>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>16.200.000</i>	<i>16.200.000</i>	<i>521.563.104</i>	<i>521.563.104</i>
- Dịch vụ hàng hải Phương Đông - Chi nhánh Công ty CP đại lý Hàng hải Việt Nam	16.200.000	16.200.000	36.586.080	36.586.080
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP - Công ty kho bãi VIMC Hải Phòng	-	-	484.977.024	484.977.024
<i>Phải trả người bán khác</i>	<i>355.393.741.830</i>	<i>355.393.741.830</i>	<i>852.101.074.401</i>	<i>852.101.074.401</i>
- Mitsui E&S Co., Ltd	31.604.729.170	31.604.729.170	534.268.317.506	534.268.317.506
- Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	95.733.944.544	95.733.944.544	233.385.090.260	233.385.090.260
- Phải trả các nhà cung cấp khác	228.055.068.116	228.055.068.116	84.447.666.635	84.447.666.635
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>355.409.941.830</b>	<b>355.409.941.830</b>	<b>852.622.637.505</b>	<b>852.622.637.505</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	3.387.098.444	172.373.167.825	168.333.626.896	7.426.639.373
- Thuế nhà thầu	-	14.719.277.463	14.719.277.463	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	50.023.614.373	278.341.283.848	139.481.234.642	188.883.663.579
- Thuế thu nhập cá nhân	5.743.680.782	45.741.183.658	50.897.670.824	587.193.616
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	40.405.053.636	32.565.276.642	24.205.829.900	48.764.500.378
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	253.044.277	253.044.277	-
<b>Cộng</b>	<b>99.559.447.235</b>	<b>543.993.233.713</b>	<b>397.890.684.002</b>	<b>245.661.996.946</b>

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.486.628	-	-	2.486.628
- Thuế thu nhập cá nhân	-	7.813.943.331	10.170.516.025	2.356.572.694
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	2.190.180.700	2.190.180.700
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	2.000.000	2.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.486.628</b>	<b>7.813.943.331</b>	<b>12.362.696.725</b>	<b>4.551.240.022</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Nội dung	31/12/2025		Trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>24.562.190.653</b>	<b>24.562.190.653</b>	<b>26.757.400.170</b>	<b>25.719.008.816</b>	<b>23.523.799.299</b>	<b>23.523.799.299</b>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>24.562.190.653</i>	<i>24.562.190.653</i>	<i>26.757.400.170</i>	<i>25.719.008.816</i>	<i>23.523.799.299</i>	<i>23.523.799.299</i>
Vay dài hạn ODA giai đoạn II đến hạn trả (1)	24.562.190.653	24.562.190.653	26.757.400.170	25.719.008.816	23.523.799.299	23.523.799.299
<b>Vay dài hạn</b>	<b>1.747.193.557.470</b>	<b>1.747.193.557.470</b>	<b>2.438.620.261.574</b>	<b>1.176.376.154.528</b>	<b>484.949.450.424</b>	<b>484.949.450.424</b>
Vay dài hạn ODA giai đoạn II (1)	76.798.608.887	76.798.608.887	4.532.374.347	25.719.008.816	97.985.243.356	97.985.243.356
Vay dài hạn ODA cầu số 04, 05 bãi container, bến Cảng Chùa Vẽ	342.110.245.728	342.110.245.728	-	-	342.110.245.728	342.110.245.728
Vay dài hạn ODA giai đoạn II bổ sung (2)	41.219.984.859	41.219.984.859	-	-	41.219.984.859	41.219.984.859
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hải Phòng (3)	30.120.105.250	30.120.105.250	26.486.128.769	-	3.633.976.481	3.633.976.481
Vay phục vụ xây dựng bến 3,4 Cảng Lạch Huyện (4)	1.256.944.612.746	1.256.944.612.746	2.407.601.758.458	1.150.657.145.712	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.771.755.748.123</b>	<b>1.771.755.748.123</b>	<b>2.465.377.661.744</b>	<b>1.202.095.163.344</b>	<b>508.473.249.723</b>	<b>508.473.249.723</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:**

- (1) Số dư vay theo hợp đồng vay số 02/2004/TDNN ngày 21/12/2004 ký giữa Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Hải Phòng và Cảng Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng), mục đích vay đầu tư thiết bị đối với dự án “Cải tạo nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II”, không có tài sản đảm bảo, lãi suất 1,3%/năm, kỳ trả gốc và lãi cuối cùng vào ngày 20/08/2029.

Tại thời điểm 31/12/2025, số dư nợ vay gốc Yên Nhật là: 627.426.800,00 JPY (tương đương 101.360.799.540 VND); Nợ dài hạn đến hạn trả là: 156.856.700,00 JPY (tương đương 25.340.199.885 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay (Tiếp):**

- (2) Giá trị nhận nợ liên quan đến các tài sản là cầu cảng số 04, số 05 và bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và các khoản mục chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị được ghi nhận căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải (Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT).

Căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT và Biên bản về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần được ký giữa Tổ công tác Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và đại diện của Công ty vào ngày 10/10/2016, Công ty đã tạm thời điều chỉnh giá trị các tài sản, thiết bị nêu trên và ghi nhận giá trị khoản vay với tổng số tiền là 383,3 tỷ VNĐ (bao gồm 342,1 tỷ VNĐ là giá trị quyết toán của 02 cầu cảng, và 41,2 tỷ VNĐ là phần chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị thuộc dự án). Việc ghi nhận này đã được Công ty điều chỉnh hồi tố từ ngày 01/07/2014 (ngày Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần).

Đến thời điểm hiện tại, phương án vay và trả nợ vay (thời hạn vay, phương án trả nợ, lãi suất vay và các điều khoản đảm bảo), cũng như đồng tiền nhận nợ (Việt Nam Đồng hay Yên Nhật) chưa được các cơ quan quản lý Nhà nước phê duyệt tại thời điểm nhận nợ, vì thế, Công ty tạm ghi nhận các khoản vay này bằng Việt Nam Đồng và thực hiện trích trước chi phí lãi vay cho giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến thời điểm 31/12/2019 với lãi suất 9,5%/năm, cộng thêm chi phí cho vay lại là 0,2%/năm. Trong năm 2020, theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, Công ty đã tạm dừng trích chi phí lãi vay kể từ đầu năm 2020.

Tại văn bản số 8715/BTC-PLN ngày 23/07/2018 của Bộ Tài chính và Văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018 của Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng đã đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính về việc rà soát lại cơ sở ghi nhận giá trị đối với 02 cầu cảng và các nội dung khoản vay nêu trên và đồng ý chủ trương cho vay lại phần chi phí thiết bị tương tự cơ chế cho vay lại phần thiết bị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại văn bản số 1596/CP-QHQT ngày 25/10/2004. Cụ thể, lãi suất cho vay lại bằng Yên Nhật là 1,5%/năm. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Bộ Tài chính về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính (nếu cần thiết).

Ngày 11/11/2022, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 7642/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành yêu cầu Bộ GTVT chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng các phương án, thống nhất một phương án xử lý, quản lý khai thác cầu cảng số 4, số 5 thuộc bến cảng Chùa Vẽ, đảm bảo phù hợp với thực trạng tài sản, điều kiện quản lý khai thác cầu cảng và tuân thủ theo quy định của Pháp luật liên quan.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

#### Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay (Tiếp):

Bộ GTVT đã có văn bản số 10882/BGTVT-TC ngày 28/9/2023 gửi Bộ Tài chính tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (thay thế Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018), trong đó Bộ GTVT có đề xuất bổ sung nội dung trong điều khoản chuyển tiếp của Nghị định đề trong trường hợp đề xuất được thông qua sẽ giải quyết được hình thức quản lý tài sản, tức là tài sản bên số 4,5 Cảng Chùa Vẽ được giao cho Cảng Hải Phòng quản lý, khai thác (không phải cho thuê). Ngày 24/12/2024, Văn phòng Chính phủ đã có thông báo số 569/TB-VPCP về việc kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại cuộc họp tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ về Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa. Theo đó, Phó Thủ tướng thống nhất về việc không quy định xử lý chuyển tiếp trong Nghị định đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hình thành từ nguồn vốn Nhà nước, đồng thời giao Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính khẩn trương báo cáo phương án xử lý.

- (3) Khoản vay theo hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 25772786/2024/HDCVDADT ký ngày 02/8/2024 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hải Phòng và Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng.

Thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên.

Mục đích vay: Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư dự án đóng mới tàu lai AZIMUTH được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Pháp luật, không bao gồm lãi vay phát sinh trong thời gian thực hiện dự án.

Lãi suất vay: Lãi suất được quy định theo hợp đồng và giấy nhận nợ.

Tài sản bảo đảm khoản vay: Tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có của khách hàng thuộc dự án đóng mới tàu AZIMUTH.

- (4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2023/203183/HĐTD ngày 24/11/2023. Trong Thời Hạn Rút Vốn, tổng số dư Khoản Vay được rút và Bảo Lãnh/L/C được phát hành tối đa là: Ba nghìn tám trăm hai mươi tỷ ba trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm nghìn (3.820.347.800.000) đồng và không vượt quá năm mươi lăm (55) phần trăm tổng vốn đầu tư Dự Án.

Thời hạn của các Khoản Vay theo Hợp Đồng này là một trăm tám mươi (180) tháng kể từ ngày tiếp theo Ngày Giải Ngân Đầu Tiên, trong đó thời gian ân hạn (nợ gốc) đối với các Khoản Vay là ba mươi sáu (36) tháng kể từ Ngày Giải Ngân Đầu Tiên (“Thời Gian Ân Hạn”) và thời hạn rút vốn là ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày ký Hợp Đồng này (“Thời Hạn Rút Vốn”). Lãi suất là lãi suất thả nổi, điều chỉnh sau (6) tháng/lần. Lãi vay trả hàng quý. Các Khoản Vay/Bảo Lãnh/L/C sẽ được sử dụng để tài trợ các chi phí hợp lý (bao gồm lãi vay trong thời gian đầu tư được tính trong tổng mức đầu tư của Dự Án) đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay (Tiếp):**

Khoản vay được đảm bảo bằng các hợp đồng đảm bảo sau:

- + Thửa đất có diện tích 436.460m<sup>2</sup> tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP Hải Phòng (nay là phường Hải An, TP Hải Phòng). Mục đích xây dựng Cảng Đình Vũ giai đoạn 2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB353850, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: CT00622 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 10/04/2012 cho Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng.
- + Thửa đất có diện tích 4.083,2m<sup>2</sup> tại số 8A Trần Phú phường Máy Tơ – Ngô Quyền – Hải Phòng (nay là Số 8A Trần Phú, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng). Mục đích xây dựng trụ sở làm việc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI201410, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: T00279 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 04/10/2007 cho Cảng Hải Phòng.

Căn cứ hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ nợ số 01/2025/25372905/HĐ ngày 26/04/2025 giữa ba bên, bao gồm Công ty CP Cảng Hải Phòng, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) và Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Cảng Hải Phòng (HTIT), Cảng Hải Phòng chuyển giao một phần nghĩa vụ nợ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2023/203183/HĐTD ngày 24/11/2023 giữa Cảng Hải Phòng và BIDV để thực hiện Phương án Hợp tác liên doanh để vận hành, khai thác Dự án bến container số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng. Đến ngày 31/12/2025, nghĩa vụ nợ mà Cảng Hải Phòng đã chuyển giao cho HTIT là 1.150.657.145.712 đồng.

**19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>8.601.618.474</b>	<b>8.601.618.474</b>	<b>19.395.117.699</b>	<b>19.395.117.699</b>
- Công ty TNHH Hội An - Đại lý hãng Samudera Shipping	-	-	8.827.647.694	8.827.647.694
- Ocean Network Express Pte, Ltd	-	-	4.181.165.640	4.181.165.640
- Các khách hàng khác	8.601.618.474	8.601.618.474	6.386.304.365	6.386.304.365
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.601.618.474</b>	<b>8.601.618.474</b>	<b>19.395.117.699</b>	<b>19.395.117.699</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>245.681.607.927</b>	<b>226.889.277.936</b>
- Chi phí lãi vay phải trả (*)	233.709.422.793	225.176.796.200
- Chi phí phải trả khác	11.972.185.134	1.712.481.736
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>245.681.607.927</b>	<b>226.889.277.936</b>

(\*) Chi phí lãi vay của khoản vay cho cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ và khoản vay gói thiết bị giai đoạn 2 bổ sung. Từ ngày 01/01/2020, Công ty đang tạm dừng trích chi phí lãi vay cho cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ, chi phí lãi vay phải trả tạm tính trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2019 là 182.515.816.097 VND.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 37.1).

**21. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>101.660.159.743</b>	<b>126.260.245.580</b>
- Kinh phí công đoàn	1.942.488.032	2.465.923.483
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	17.402.408	17.402.408
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.441.084.980	2.321.979.680
- Phải trả tiền ăn ca và phụ cấp độc hại	14.385.490.000	23.683.955.450
- Chi phí đền bù di dời Cảng Hoàng Diệu (*)	73.656.708.400	94.020.613.821
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.216.985.923	3.750.370.738
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>101.660.159.743</b>	<b>126.260.245.580</b>

(\*) Căn cứ các Quyết định, số 3983/QĐ-UBND và 3984/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND Quận Ngô Quyền về việc thu hồi đất; Quyết định số 3982/QĐ-UBND ngày 22/12/2023, 4274/QĐ-UBND ngày 28/12/2023, 347/QĐ-UBND ngày 15/3/2024 của UBND Quận Ngô Quyền về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng. Đến 31/12/2025, UBND Quận Ngô Quyền thực hiện chi trả cho Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng số tiền 331.269.792.422 đồng để Công ty đảm bảo thực hiện việc di dời cảng Hoàng Diệu, trong đó số tiền đền bù di dời tài sản là 94.435.813.821 đồng. Tại ngày 31/12/2025, số dư khoản chi phí đền bù di dời Cảng Hoàng Diệu là 73.656.708.400 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.730.857.220</b>	<b>5.353.167.082</b>
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện	2.730.857.220	5.353.167.082
<b>b) Dài hạn</b>	<b>95.307.634.428</b>	-
- Doanh thu chưa thực hiện phát sinh từ giao dịch góp vốn bằng TSCĐ	95.307.634.428	-
<b>Cộng</b>	<b>98.038.491.648</b>	<b>5.353.167.082</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***23. VỐN CHỦ SỞ HỮU****23.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2024</b>	<b>3.269.600.000.000</b>	<b>63.049.858.714</b>	<b>(613.301.691.109)</b>	<b>1.423.444.017.672</b>	-	<b>844.224.801.999</b>	<b>748.572.108.776</b>	<b>5.735.589.096.052</b>
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	807.405.934.562	167.711.260.090	975.117.194.652
- Giảm vốn trong năm trước	-	(10.505.878.988)	-	-	-	-	-	(10.505.878.988)
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	369.255.708.253	-	(604.465.013.151)	(111.121.154.118)	(346.330.459.016)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	369.255.708.253	-	(369.255.708.253)	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(104.425.304.898)	(22.273.154.118)	(126.698.459.016)
+ Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(130.784.000.000)	(88.848.000.000)	(219.632.000.000)
- Tăng/giảm khác	-	1	-	10.505.878.988	-	(3.582.488.582)	(3)	6.923.390.404
<b>31/12/2024</b>	<b>3.269.600.000.000</b>	<b>52.543.979.727</b>	<b>(613.301.691.109)</b>	<b>1.803.205.604.913</b>	-	<b>1.043.583.234.828</b>	<b>805.162.214.745</b>	<b>6.360.793.343.104</b>
<b>01/01/2025</b>	<b>3.269.600.000.000</b>	<b>52.543.979.727</b>	<b>(613.301.691.109)</b>	<b>1.803.205.604.913</b>	-	<b>1.043.583.234.828</b>	<b>805.162.214.745</b>	<b>6.360.793.343.104</b>
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	823.192.770.648	161.281.724.971	984.474.495.619
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	(166.066.396)	-	(109.433.604)	(275.500.000)
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	301.394.421.743	-	(643.664.146.671)	(178.747.520.000)	(521.017.244.928)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	301.394.421.743	-	(301.394.421.743)	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(146.093.724.928)	(21.299.520.000)	(167.393.244.928)
+ Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(196.176.000.000)	(157.448.000.000)	(353.624.000.000)
- Tăng/giảm khác	-	-	-	-	-	(11.050.352.115)	3.956.906.265	(7.093.445.850)
<b>31/12/2025</b>	<b>3.269.600.000.000</b>	<b>52.543.979.727</b>	<b>(613.301.691.109)</b>	<b>2.104.600.026.656</b>	<b>(166.066.396)</b>	<b>1.212.061.506.690</b>	<b>791.543.892.377</b>	<b>6.816.881.647.945</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG**Số 8A Trần Phú, phường Ngô Quyền,  
thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MẪU SỐ B09-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****23.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	Tỷ lệ %	31/12/2025 VND	Tỷ lệ %	01/01/2025 VND
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	92,56%	3.026.413.770.000	92,56%	3.026.413.770.000
- Vốn góp của các nhà đầu tư khác	7,44%	243.186.230.000	7,44%	243.186.230.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>3.269.600.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>3.269.600.000.000</b>

**23.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
+ Vốn góp cuối năm	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	353.624.000.000	219.632.000.000

**23.4 CỔ PHIẾU**

	31/12/2025 CP	01/01/2025 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	326.960.000	326.960.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	326.960.000	326.960.000
+ Cổ phiếu phổ thông	326.960.000	326.960.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	326.960.000	326.960.000
+ Cổ phiếu phổ thông	326.960.000	326.960.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****a) Tài sản thuê ngoài:**

- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 8A đường Trần Phú, phường Máy Tơ, TP. Hải Phòng (nay là số 8A đường Trần Phú, phường Ngô Quyền, TP. Hải Phòng) để sử dụng làm văn phòng Công ty từ năm 1993 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 4.083,2 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Công ty được UBND thành phố Hải Phòng giao đất theo quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 22/10/2007 tại số 23 đường Lương Khánh Thiện, TP. Hải Phòng (nay là số 23, đường Lương Khánh Thiện, phường Ngô Quyền, TP. Hải Phòng) để sử dụng với mục đích làm trụ sở Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng để phục vụ kiểm tra khám sức khỏe cho cán bộ nhân viên. Diện tích khu đất là 1.022 m<sup>2</sup>. Thửa đất này không phải nộp tiền thuê đất hàng năm do phục vụ công ích.
- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 15 đường Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, TP. Hải Phòng (nay là đường Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, TP. Hải Phòng) để sử dụng với mục đích làm kho bãi từ năm 1993 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 6.472,7 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Công ty được UBND thành phố Hải Phòng giao thửa đất tại lô 15, đường Lê Hồng Phong, phường Đằng Lâm, quận Hải An, TP. Hải Phòng (nay là lô 15, đường Lê Hồng Phong, phường Hải An, TP. Hải Phòng) theo Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 12/07/2010 để sử dụng với mục đích làm văn phòng. Diện tích khu đất là 777 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Khu đất số 5 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải I, quận Hải An (nay là số 05 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải), là địa chỉ Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ, diện tích sử dụng là: 236.820,2 m<sup>2</sup>. Khu đất này Công ty đang đầu tư xây dựng để khai thác hàng Container, hiện nay đã xây tường bao xung quanh, không có sự tranh chấp, sử dụng đúng mục đích chấp hành tốt quy định về luật đất đai.
- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 5 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng (nay là số 5 Cù Chính Lan, phường Hồng Bàng, TP. Hải Phòng) để sử dụng trụ sở Công ty TNHH MTV Đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng) từ năm 1993 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 1.225,4 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại KCN Đình Vũ giai đoạn II, phường Đông Hải II, quận Hải An, TP. Hải Phòng (nay là KCN Đình Vũ, phường Đông Hải, TP. Hải Phòng) để sử dụng làm Chi nhánh Cảng Tân Vũ theo Giấy chứng nhận số: BB 538580 cấp ngày 10/4/2012. Diện tích khu đất thuê là 436.460 m<sup>2</sup>. Khu đất trên nằm trong khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải và được ưu đãi tiền thuê đất.
- Khu đất tại KCN Đình Vũ giai đoạn III, phường Đông Hải II, quận Hải An, TP. Hải Phòng (nay là KCN Đình Vũ, phường Đông Hải, TP. Hải Phòng) với diện tích là 74.244,3 m<sup>2</sup>. Theo thông báo số 220/TB-UBND ngày 25/06/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cảng Đình Vũ giai đoạn III, hiện nay Công ty đang trình Sở Tài nguyên và Môi trường hồ sơ đề báo cáo UBND Thành phố Hải Phòng ra quyết định giao đất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**b) Ngoại tệ các loại:**

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
- Dollar Mỹ (USD)	2.797.271,28	1.074.276,81
- Euro (EUR)	5,14	5,14
- Yên Nhật (JPY)	1.593,00	1.593,00

**c) Nợ khó đòi đã xử lý:**

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Xử lý nợ theo các quyết định và nghị quyết của HĐQT	4.264.424.959	4.264.424.959

**25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a) Doanh thu</b>	<b>2.730.324.694.363</b>	<b>2.595.479.044.228</b>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.730.324.694.363	2.595.479.044.228
<b>Cộng</b>	<b><u>2.730.324.694.363</u></b>	<b><u>2.595.479.044.228</u></b>

b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 37.3

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.453.617.740.198	1.605.445.106.833
<b>Cộng</b>	<b><u>1.453.617.740.198</u></b>	<b><u>1.605.445.106.833</u></b>

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	80.942.304.464	87.430.995.180
- Lãi bán khoản đầu tư	-	22.353.074.996
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	160.000.000	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	21.264.293.001	29.207.754.066
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	11.767.864.016
- Doanh thu tài chính khác	221.981.700	3.155.984
<b>Cộng</b>	<b><u>102.588.579.165</u></b>	<b><u>150.762.844.242</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí lãi vay	23.031.999.143	7.105.158.670
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	14.966.085.040	12.742.931.867
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	4.404.911.076	-
- Hoàn nhập/Dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn	360.000.000	(1.320.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>42.762.995.259</b>	<b>18.528.090.537</b>

**29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>293.733.072.351</b>	<b>253.198.425.586</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	178.411.181.394	159.990.185.888
- Chi phí vật liệu quản lý	1.329.538.435	1.964.882.762
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	9.201.686.566	7.358.339.508
- Chi phí dự phòng	1.772.088.879	1.527.000.234
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.175.373.657	11.212.723.560
- Chi phí bằng tiền khác	85.843.203.420	71.145.293.634
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>461.552.000</b>	<b>-</b>
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	461.552.000	-
<b>Cộng</b>	<b>294.194.624.351</b>	<b>253.198.425.586</b>

**30. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chênh lệch do đánh giá giá trị tài sản góp vốn	97.553.032.333	-
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ, CCDC	7.329.574.041	24.770.787.889
- Thu nhập từ bồi thường, tiền phạt đền bù thiệt hại tài sản	340.361.803	223.593.058.426
- Tiền điện cho thuê ngoài	4.348.078.724	1.323.828.341
- Các khoản khác	445.444.197	2.051.446.976
<b>Cộng</b>	<b>110.016.491.098</b>	<b>251.739.121.632</b>

**31. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Các khoản bị phạt	17.184.651	11.972.112
- Giá trị còn lại, chi phí thanh lý TSCĐ	146.296.296	41.977.778
- Các khoản chi phí khác	3.018.649.403	1.795.706.623
<b>Cộng</b>	<b>3.182.130.350</b>	<b>1.849.656.513</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	208.096.140.906	241.539.147.389
- Chi phí nhân công	841.295.727.938	953.257.145.243
- Khấu hao tài sản cố định	255.221.271.543	224.211.152.960
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	166.603.550.671	149.654.388.743
- Chi phí bằng tiền khác	274.823.584.612	223.378.276.966
- Chi phí dự phòng	1.772.088.879	66.603.421.118
<b>Cộng</b>	<b>1.747.812.364.549</b>	<b>1.858.643.532.419</b>

**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	194.405.089.939	96.450.324.431
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	67.196.225.861	66.809.528.201
- Công ty Cổ phần Lai dắt và vận tải Cảng Hải Phòng	2.336.178.383	2.203.955.744
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	12.478.578.840	59.609.984.436
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Đào tạo và Kỹ thuật Cảng Hải Phòng	1.925.210.825	111.407.823
<b>Cộng</b>	<b>278.341.283.848</b>	<b>225.185.200.635</b>

**34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	823.192.770.648	807.405.934.562
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	326.960.000	326.960.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>2.518</b>	<b>2.469</b>

**35. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**36. CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Góp vốn bằng tài sản cố định	988.779.067.284	-
Chuyển giao nợ các khoản vay bằng hình thức chuyển giao tài sản	1.150.657.145.712	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***37. THÔNG TIN KHÁC****37.1 NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC**

Cầu cảng số 04 và số 05 bến cảng Chùa Vẽ là các hạng mục thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp cảng Hải Phòng giai đoạn II do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quyết định số 29/QĐ-TTg ngày 09/01/1999:

**Chủ đầu tư:** Bộ Giao thông Vận tải

**Nguồn vốn đầu tư:** vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ

- Ngày 25/03/2014, Thủ tướng Chính phủ có văn bản số 1966/TTg-KTN giao cho Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo, hướng dẫn Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng) thực hiện việc hạch toán tăng tài sản đối với giá trị của các cầu cảng số 4 và số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ (các Cầu cảng) theo quy định của pháp luật.
- Ngày 25/11/2015, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Quyết định số 4196/QĐ - BGTVT về việc phê duyệt quyết toán hoàn thành đối với Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng - Giai đoạn II và yêu cầu Công ty hoàn thành thủ tục vay đối với giá trị quyết toán của hai công trình nêu trên là 342,1 tỷ VND.
- Bên cạnh đó, Bộ Giao thông vận tải cũng giao cho Công ty báo cáo Bộ Tài chính về việc vay lại giá trị phần chi phí khác được phân bổ cho gói thiết bị của dự án với số tiền là 55,3 tỷ VND.
- Tuy nhiên, Công ty đã có văn bản báo cáo Bộ Tài chính về giá trị 55,3 tỷ VND này đã bao gồm tiền lãi vay vốn cho gói thiết bị là 14,1 tỷ VND. Công ty đã trả số tiền lãi này và đã có xác nhận của Ngân hàng Phát triển - Chi nhánh Hải Phòng số 425/TB-NHPT.HPH.TD3 ngày 16/11/2010. Do đó, Công ty chỉ ghi nhận chi phí khác cho gói thiết bị là: 41,14 tỷ VND.
- Theo đó, Công ty tạm ghi nhận giá trị của 02 cầu Cảng số 04, 05, bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ Cảng Hải Phòng và gói thiết bị với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt tại ngày 31/12/2015 là 279,7 tỷ VND và 133,81 tỷ VND căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ - BGTVT ngày 25/11/2015 của Bộ Giao thông Vận tải.
- Căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT ngày 25/11/2015 và Biên bản "Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần" được ký giữa Tổ công tác Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và đại diện của Công ty vào ngày 10/10/2016, Công ty đã tạm thời điều chỉnh giá trị các tài sản, thiết bị nêu trên và ghi nhận giá trị khoản vay với tổng số tiền là 383,3 tỷ VND (bao gồm 342,1 tỷ VND là giá trị quyết toán của 02 cầu cảng số 04, 05, bãi container cảng Chùa Vẽ và 41,2 tỷ VND là phần chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị thuộc dự án). Việc ghi nhận này đã được Công ty điều chỉnh hồi tố từ ngày 01/07/2014 (ngày Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần).

**Các khoản phải thu, phải trả phát sinh từ dự án**

- Theo các văn bản: Kết luận số 1134/KL-TTr ngày 06/12/2019 của Đoàn thanh tra Bộ Tài chính tại Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam; văn bản số 3910/BTC-TTr ngày 03/4/2020 của Bộ Tài chính về việc xử lý tạm nộp tiền khấu hao, trích trước lãi vay tài sản cầu cảng số 4, số 5 và bãi container Cảng Hải Phòng thì: Cảng Hải Phòng phải nộp đủ số tiền khấu hao và tạm trích trước chi phí lãi vay của tài sản cầu số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ từ thời điểm 01/7/2014 đến 31/12/2018 là 194.218.263.761 VND (trong đó tiền khấu hao là 44.887.141.500 VND và tạm trích trước chi phí lãi vay là 149.331.122.261 VND).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

#### 37.1 NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC (TIẾP)

- Công ty đã tạm nộp các khoản trên vào ngân sách Nhà nước và hạch toán vào:
  - + Phải thu khác đối với giá trị khấu hao của các tài sản này trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 số tiền là: 44.887.141.500 VND.
  - + Giảm số trích trước chi phí phải trả đối với chi phí lãi vay tạm trích với tổng số tiền là: 149.331.122.261 VND.
  - + Theo thông báo số 1101/TB-KTNN ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Kiểm toán Nhà Nước cho báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty, theo đó Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định điều chỉnh hồi tố Báo cáo Tài chính năm 2021 theo đó tăng số trích trước chi phí phải trả đối với chi phí lãi vay tạm trích với tổng số tiền là: 149.331.122.261 VND và tăng số Phải thu khác tương ứng.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 9 – Phải thu khác)

#### Cơ chế quản lý vận hành dự án và phương án trả nợ

- Thực hiện các ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty Hàng Hải, Công ty đã lập và trình phương án vay, trả nợ cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ với thời hạn 5 năm từ 2016 đến 2020. Phương án này đã được Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty Hàng hải chấp thuận, chuyển Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt. Sau nhiều lần làm việc giữa các bên, ngày 23/7/2018, Bộ Tài chính đã có văn bản số 8715/BTC-QLN trình Thủ tướng Chính phủ về việc hạch toán tăng tài sản và phương án vay, trả nợ cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ. Trong đó có kiến nghị rà soát các quy định của pháp luật trong việc cho Cảng Hải Phòng vay, trả nợ (chuyển giao tài sản công sang tài sản doanh nghiệp).
- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018, Bộ Giao thông Vận tải đã có văn bản số 638/TB-BGTVT ngày 05/12/2018 chỉ đạo Cảng Hải Phòng xây dựng phương án thuê khai thác cầu cảng 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ.
- Theo đó, Công ty đã xây dựng phương án thuê khai thác các tài sản này như sau:
  - + Thời điểm trước ngày 1/7/2014 (trước thời điểm cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng): cầu cảng số 04,05 và bãi container được giao cho Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng (doanh nghiệp nhà nước) quản lý khai thác.
  - + Thời điểm từ ngày 1/7/2014 đến 31/12/2019: Cho phép chỉ định Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng thuê quản lý, khai thác cầu cảng số 04,05 và bãi container. Giá cho thuê theo quyết định của Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính phê duyệt.
  - + Thời điểm từ ngày 01/01/2020 trở đi: Thực hiện theo quy định của Nghị định số 43/2018/NĐ-CP, thực hiện đấu giá cho thuê khai thác tài sản, kết cấu hạ tầng tại cầu cảng số 04,05 và bãi container do Nhà nước đầu tư.
- Ngày 20/02/2020, Bộ Giao thông Vận tải đã có thông báo số 56/TB-BGTVT thông báo kết luận về phương án quản lý, khai thác cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ. Hiện nay, Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông - Bộ Giao thông vận tải đang thực hiện các thủ tục báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Do đó, Công ty đã dừng trích khấu hao đối với các tài sản cố định thuộc dự án này và dừng ghi nhận lãi vay tương ứng để chờ quyết định chính thức của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.
- Ngày 28/10/2020, Bộ Giao thông vận tải đã có văn bản số 10855/BGTVT-KCHT gửi Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về việc báo cáo về hạch toán tăng tài sản và xây dựng phương án trả nợ vay, lãi vay đối với giá trị các cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

#### 37.1 NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC (TIẾP)

- Sau khi nhận được văn bản số 765/CV-CHP ngày 18/03/2022 của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, ngày 29/03/2022, Bộ Giao thông vận tải đã có công văn số 2982/BGTVT-KCHT thông báo về việc Bộ Giao thông vận tải đã có các văn bản số 6114/BGTVT-KCHT ngày 28/06/2021, văn bản số 2426/BGTVT-KCHT ngày 15/03/2022 gửi Văn phòng Chính phủ đề nghị sớm tham mưu báo cáo Chính phủ Thủ tướng Chính phủ xem xét chỉ đạo về phương án trả nợ cầu cảng số 04, số 05 Cảng Chùa Vẽ theo các nội dung báo cáo tại văn bản số 10855/BGTVT-KCHT ngày 28/10/2020. Sau khi được Chính phủ cho ý kiến, Bộ Giao thông vận tải sẽ phối hợp với các cơ quan tổ chức liên quan để triển khai thực hiện theo quy định.
- Ngày 11/11/2022, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 7642/VPCP-CN yêu cầu Bộ Giao thông Vận tải chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng các phương án, thống nhất một phương án xử lý, quản lý khai thác cầu cảng số 4, số 5 thuộc bến cảng Chùa Vẽ, bảo đảm phù hợp thực trạng tài sản, điều kiện quản lý khai thác các cầu Cảng và tuân thủ theo quy định Pháp luật liên quan
- Ngày 08/6/2023, Cảng Hải Phòng đã có văn bản số 1674/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải nội dung liên quan đến cầu cảng số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ, làm cơ sở để Bộ Giao thông vận tải làm việc, thống nhất phương án xử lý với Bộ Tài chính. Theo đó Cảng Hải Phòng đề xuất phương án tiếp tục giao Cảng Hải Phòng được quản lý, khai thác các cầu cảng số 4, số 5 bến cảng Chùa Vẽ theo nội dung tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ.
- Ngày 17/11/2023, Cảng Hải Phòng đã có văn bản số 3939/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải, nội dung chính cụ thể:
  - + Cảng Hải Phòng đã có những buổi làm việc, phân tích cơ sở, tính khả thi và báo cáo đề xuất các Vụ, Cục thuộc Bộ Giao thông Vận Tải, Bộ Tài chính xem xét thống nhất phương án tăng tài sản cầu số 4, 5 bến cảng Chùa Vẽ tại doanh nghiệp như đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013, đồng thời tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
  - + Phương án xử lý phần chi phí khác phân bổ cho gói thiết bị cũng chưa được Bộ Tài chính xem xét xử lý do phải thực hiện sau khi Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến chỉ đạo về phương án quản lý, khai thác cầu cảng số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ.
- Ngày 4/4/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 84/2025/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải. Theo đó, Bộ Xây dựng đã ban hành Văn bản số 12000/BXD-KHTC ngày 21/10/2025 đề nghị Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP (VIMC) nghiên cứu, rà soát các phương thức khai thác, xử lý tài sản cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ bảo đảm phù hợp với thực trạng tài sản, điều kiện quản lý, khai thác các cầu cảng và tuân thủ quy định pháp luật. Đồng thời, Bộ Xây dựng yêu cầu Ban Quản lý dự án cảng Hải Phòng nghiên cứu ý kiến của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại Văn bản số 3878/CHP-TCKT về phân bổ chi phí cho gói thiết bị.
- Theo đó, VIMC đã chỉ đạo Người đại diện phần vốn của VIMC tại Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng nghiên cứu, rà soát xây dựng phương án khai thác, xử lý tài sản cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ. Trên cơ sở ý kiến của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, đánh giá ưu, nhược điểm của từng phương án, VIMC đã có Văn bản số 1753/HHVN-TCKT ngày 06/11/2025 báo cáo Bộ Xây dựng và Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam về các phương án quản lý khai thác tài sản bến số 4, số 5 Cảng Chùa Vẽ.
- Căn cứ nội dung buổi làm việc ngày 29/12/2025 giữa Bộ Xây dựng, VIMC và Cảng Hải Phòng, trên cơ sở đề xuất của Cảng Hải Phòng tại Văn bản số 5222/CHP-TCKT ngày 31/12/2025 về phương án xử lý tài sản bến số 4, bến số 5 Cảng Chùa Vẽ, VIMC đã có Văn bản số 16/HHVN-TCKT ngày 08/01/2026 cập nhật nội dung liên quan đến phương án xử lý tài sản bến số 4, bến số 5 Cảng Chùa Vẽ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**37.3. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

*Thù lao Hội đồng quản trị, tiền lương Ban Giám đốc và các thành viên chủ chốt khác:*

		Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Thù lao Hội đồng quản trị</b>		<b>2.160.000.000</b>	<b>1.370.000.000</b>
- Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT	-	-
- Ông Nguyễn Tường Anh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	360.000.000	240.000.000
- Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 15/4/2024)	-	-
- Ông Lương Đình Minh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 15/04/2024)	-	70.000.000
- Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 15/04/2024)	-	70.000.000
- Ông Đinh Văn Thạch	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 15/04/2024)	-	70.000.000
- Ông Nguyễn Cảnh Bình	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 15/04/2024)	-	70.000.000
- Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên HĐQT	360.000.000	170.000.000
- Bà Trịnh Thị Ngọc Biển	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/04/2025)	120.000.000	170.000.000
- Ông Lê Đông	Thành viên HĐQT	360.000.000	170.000.000
- Ông Vũ Đức Biên	Thành viên HĐQT	360.000.000	170.000.000
- Ông Đỗ Vũ Linh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/04/2025)	120.000.000	170.000.000
- Ông Lý Quang Thái	Thành viên HĐQT (Bỏ nhiệm từ 29/04/2025)	240.000.000	-
- Bà Lê Thị Ngọc Dung	Thành viên HĐQT (Bỏ nhiệm từ 29/04/2025)	240.000.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG**Số 8A Trần Phú, phường Ngô Quyền,  
thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MẪU SỐ B09-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****37.3. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)***Thù lao Hội đồng quản trị, tiền lương Ban Giám đốc và các thành viên chủ chốt khác (Tiếp):*

		Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Thù lao Ban Kiểm soát</b>		<b>360.000.000</b>	<b>240.000.000</b>
- Bà Đào Thị Thu Hà	Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm từ 15/04/2024)	-	-
- Bà Trần Thị Thanh Hải	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-
- Ông Đồng Xuân Khanh	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 29/04/2025)	60.000.000	120.000.000
- Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên BKS (Bổ nhiệm từ 29/04/2025)	120.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên BKS	180.000.000	120.000.000
<b>Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác</b>		<b>11.870.201.308</b>	<b>11.311.871.404</b>
- Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT	2.550.239.492	2.038.895.011
- Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 15/04/2024)	-	382.760.000
- Ông Nguyễn Tường Anh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	2.464.409.255	1.998.532.751
- Ông Chu Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	1.848.140.275	1.450.459.390
- Ông Hà Vũ Hào	Phó Tổng Giám đốc	1.864.447.162	1.449.049.289
- Ông Ngô Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10/01/2025)	27.650.561	1.453.679.482
- Ông Phạm Tuấn Hải	Phó Tổng Giám đốc	-	-
- Bà Trần Thị Thanh Hải	Trưởng Ban Kiểm soát	1.424.157.608	1.235.333.393
- Bà Đào Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	1.691.156.955	1.303.162.088

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**37.3. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>250.501.768.807</b>	<b>58.295.152.404</b>
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	21.547.618.266	33.736.173.638
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	24.100.944.912	7.989.186.638
- Công ty CP VIMC Logistics	2.318.777.940	1.502.495.000
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	142.710.000	8.150.000
- Công ty CP HPH Logistics	8.984.032.229	9.790.701.865
- Công ty Vận tải biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	-	120.296.188
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật - Việt	201.605.000	153.925.000
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	7.281.675.386	2.868.839.158
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	20.040.000	-
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC Đình Vũ	3.305.501.175	1.857.852.400
- Công ty CP Vận tải Container VIMC	3.227.328.615	267.532.517
- Công ty TNHH Cảng quốc tế TIL Cảng Hải Phòng	179.371.535.284	-
<b>Mua dịch vụ</b>	<b>9.096.355.431</b>	<b>13.726.185.659</b>
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	-	2.982.451.000
- Công ty CP HPH Logistics	1.037.492.466	655.927.964
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	31.866.000	346.765.645
- CN Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	2.546.208.733	3.093.569.760
- Công ty Kho bãi VIMC Hải Phòng	-	-
- Công ty CP Đầu tư Cảng Cái Lân	-	728.220.000
- Ban QLDA chuyên ngành hàng hải VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	5.480.788.232	5.919.251.290

**37.4. NỢ TIỀM TANG**

Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đang ghi nhận tại chi tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 133,81 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chi tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ.

Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước một số khoản có liên quan đến dự án nêu trên, bao gồm: khấu hao của các tài sản thuộc cầu cảng 04, 05 và bãi container cảng Chùa Vẽ trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 là 44,8 tỷ đồng, chi phí lãi vay tạm trích trước là 149,3 tỷ đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**37.4 NỢ TIỀM TÀNG (TIẾP)**

Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã dừng trích khấu hao, dừng ghi nhận chi phí lãi vay kể từ ngày 01/01/2020 đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ để chờ được phê duyệt phương án quản lý chính thức đối với các tài sản này. Ngày 8/6/2023, Công ty đã có văn bản số 1674/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải đề xuất phương án tiếp tục giao Cảng Hải Phòng được quản lý, khai thác các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ theo nội dung tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Sau đó, Bộ GTVT và Bộ Tài chính đã nghiên cứu phương án trình Chính phủ thông qua việc sửa đổi Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/03/2018 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải để có thể giải quyết dứt điểm vướng mắc này.

Ngày 27/12/2024, Cảng Hải Phòng ra Nghị quyết số 168/NQ-CHP về việc tiếp tục trích khấu hao đối với các tài sản bến số 4, số 5 Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ. Theo đó, Cảng Hải Phòng tiến hành tính toán, điều chỉnh lại mức khấu hao/năm, thực hiện tiếp tục trích khấu hao từ thời điểm 01/01/2024 và thời điểm kết thúc khấu hao là tháng 4 năm 2043. Chi phí khấu hao hàng năm, tính từ năm 2024 là 8,3 tỷ đồng (so với chi phí khấu hao trích trong giai đoạn trước năm 2020 là 6,74 tỷ đồng/năm).

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, chưa có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ của Công ty. Khi cơ quan quản lý Nhà nước có quyết định chính thức về hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, Công ty sẽ ghi nhận chi phí kể từ thời điểm cơ quan quản lý Nhà nước ra quyết định.

**37.5 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng đã được kiểm toán.

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Hà

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẢNG HẢI PHÒNG**

Số: 440 /CHP-TCKT

“V/v giải trình biến động kết quả  
kinh doanh năm 2025”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày 05 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến Báo cáo tài chính theo Điều 14 Khoản 4 Chương III Thông tư 96/2020/TT-BTC về công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn, Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng - Mã chứng khoán PHP) giải trình biến động kết quả kinh doanh trong Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán với năm 2024 như sau:

	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Biến động	
				Giá trị	Tỷ lệ
1	Lợi nhuận sau thuế BCTC riêng	979.629.760.627	642.427.050.347	337.202.710.280	52,49%
2	Lợi nhuận sau thuế BCTC hợp nhất	984.474.495.619	975.117.194.652	9.357.300.967	0,96%

**Biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng**

Lợi nhuận sau thuế Báo cáo tài chính riêng năm 2025 tăng 52,49% so với năm 2024 chủ yếu là do các nguyên nhân:

- Doanh thu bốc xếp tăng so với cùng kỳ năm 2024.
- Cảng Hải Phòng ghi nhận thu nhập khác từ chênh lệch do đánh giá giá trị tài sản góp vốn đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh.

Trân trọng./.

Nơi nhận: 

- Như kính gửi;
- HDQT Cty (để b/cáo);
- Lưu VT, P.TCKT.

